TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/DS-PT
Ngày 17/3/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Châu.

Các Thẩm phán: Bà Ngô Ngọc Phỉ;

Ông Nguyễn Phước Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giangxét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 407/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2025/QĐXX-PT ngày 22 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1960; (có mặt)
Nơi cư trú: số G L, khóm G, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1983; nơi cư trú: số nhà C, đường N, khóm A, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 15/4/2024) (có mặt)

2. Bị đơn:
2.1. Bà Phạm Thị Diệu L, sinh năm 1977; (có mặt)
2.2. Bà Phạm Thị Diệu T2, sinh năm 1979; (có mặt)
Cùng nơi cư trú: Số I, đường T, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị Diệu L và bà Phạm Thị Diệu T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Đặng Văn T trình bày:* Do có mối quan hệ quen biết nên đã nhiều lần cho bà Phạm Thị Diệu L và Phạm Thị Diệu T2 vay tiền, mục đích vay để đáo nợ Ngân hàng. Cho vay có lúc đưa tiền mặt trực tiếp, có lúc chuyển khoản hoặc nhờ người thân là bà Tô Thị T3, Phạm Thị Diệu H, Đặng Phước T4 (S) chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của bà L, bà T2 và bà L, T2 có chuyển trả lại.

Ngày 17/7/2022 ông T và bà L, T2 chốt lại số tiền bà L, T2 còn nợ là 5.400.000.000 đồng và lập thành văn bản Hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) với lãi suất 0,15%/ngày (4,5%/tháng), mục đích vay để đáo nợ ngân hàng.

Sau ngày 17/7/2022, bà L, T2 có vay tiền thêm của ông T nhiều lần và có chuyển trả lại, đến ngày 29/10/2022 giữa ông T, bà L, T2 chốt lại số tiền còn nợ 6.550.000.000 đồng với lãi suất 0,15%/ngày (4,5%/tháng), mục đích vay để đáo nợ ngân hàng.

Đối với số tiền 5.400.000.000 đồng theo biên nhận ngày 17/7/2022 đã giải quyết xong tại Bản án số 298/2023/DS-PT ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đối với số tiền 6.550.000.000 đồng, từ ngày chốt nợ đến nay, bà L và bà T2 chưa trả vốn gốc cũng như lãi suất. Nay ông T khởi kiện, yêu cầu bà L và bà T2 liên đới trả số tiền vốn gốc 6.550.000.000 (sáu tỷ, năm trăm năm mươi triệu) đồng và lãi suất theo quy định pháp luật 20%/năm kể từ ngày 29/10/2022 cho đến ngày xét xử giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện bị đơn bà L, bà T2 trả số tiền 3.275.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà L, bà T2 có trách nhiệm liên đới trả số tiền 3.275.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị Diệu L và bà Phạm Thị Diệu T2 trình bày:* Xác định có lập hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền) ngày 29/10/2022 với ông T và có ký tên vào biên nhận nhận tiền, việc vay tiền được hai bên thỏa thuận thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, từ khi lập hợp đồng vay nợ đến nay thì ông T cũng như người thân của ông T không có chuyển khoản bất cứ khoản tiền nào trong số tiền 6.500.000.000 đồng nên giao dịch giữa hai bên không có thực hiện. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án người làm chứng:*

- *Ông Đặng Phước T4 (Sang) trình bày:* Ngày 15/8/2022, ông T có đến nhà để nhờ chuyển tiền vào tài khoản của bà Phạm Thị Diệu T2 (N, số tài khoản 70210000062185), số tiền 2.100.000.000 đồng (thực hiện trên app chuyển tiền từ điện thoại di động), chỉ chuyển khoản một lần. Số tiền này ông T cho L, T2 vay để đáo hạn ngân hàng. Sau khi chuyển tiền cho L, T2 xong thì L, T2 không có

chuyển trả lại. Còn L, T2 có chuyển trả số tiền nào cho ông T hay không thì không biết. Xác định số tiền 2.100.000.000 đồng là của ông T nên không có ý kiến.

- *Bà Tô Thị T3 trình bày*: Ngày 05/9/2022 ông T (chồng) có chuyển vào tài khoản của Phạm Thị Diệu T2 (N1) số tiền 2.400.000.000 đồng (thực hiện trên app chuyển tiền điện thoại di động do bà T3 đứng tên), khi thực hiện ông T có nói lại với bà T3 biết. Ông T có cho biết là cho L, T2 vay đề đáo hạn Ngân hàng. Tài khoản của bà T3 chỉ chuyển một lần cho T2, đến nay L + T2 chưa trả lại số tiền trên cho ông T. Xác định số tiền 2.400.000.000 đồng là của cá nhân ông T, tài khoản bà T3 chỉ chuyển dùm tiền cho ông T nên không có ý kiến.

- *Bà Phạm Thị Diệu H trình bày*: Ông Đặng Văn T có cho L, T2 vay tiền nhiều lần để cho người khác vay lại đáo hạn ngân hàng. Ông T có nhờ chuyển khoản (tiền của ông T) vào tài khoản của bà Phạm Thị Diệu T2 nhiều lần (từ tài khoản cá nhân của bà H), cụ thể:

+ Ngày 15/8/2022 chuyển 1.000.000.000 đồng (N2 (N1);

+ Ngày 16/8/2022 chuyển 2.350.000.000 đồng (N2 (N1);

+ Ngày 17/8/2022 chuyển 3.500.000.000 đồng (N2 (N1));

+ Ngày 17/8/2022 chuyển 1.500.000.000 đồng (N3 (B));

+ Ngày 23/8/2022 chuyển 2.700.000.000 đồng (N2 (N1));

+ Ngày 25/8/2022 chuyển 500.000.000 đồng (N3 (B));

+ Ngày 25/8/2022 chuyển 500.000.000 đồng (N4 (MB));

+ Ngày 30/8/2022 chuyển 500.000.000 đồng (N2 (N1));

+ Ngày 05/9/2022 chuyển 2.200.000.000 đồng (N2 (N1));

+ Ngày 05/9/2022 chuyển 1.200.000.000 đồng (N3 (B));

Tổng cộng từ ngày 15/8/2022 đến ngày 05/9/2022 bà H chuyển 15.950.000.000 đồng. Sau đó, bà T2 có chuyển vào tài khoản của cá nhân tổng cộng 13.450.000.000 đồng và bà H đã chuyển trả lại cho ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

-Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Diệu L và bà Phạm Thị Diệu T2 trả số tiền

3.275.000.000 (ba tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 29/10/2022.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T. Buộc bà Phạm Thị Diệu T2, Phạm Thị Diệu L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đặng Văn T số tiền 3.275.000.000 (ba tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự, án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 23/10/2024, bị đơn bà Phạm Thị Diệu L và bà Phạm Thị Diệu T2 có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm số 150/2024/DSST ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố C theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà L, bà T2 trả cho ông T số tiền 3.275.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thành T1 - người đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T2 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Bà L, bà T2 có ý kiến: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà L, bà T2 phải trả số tiền 3.275.000.000đ, do các bà không có nhận tiền của ông T. Bà L, bà T2 có cung cấp bản sao kê Ngân hàng cho rằng bà T2 đã chuyển trả cho bà Đặng Thị D 04 tỷ đồng ngày 15/8/2022 và bản photo trích tin nhắn giữa bà T2 và ông T, có nội dung ông T yêu cầu bà T2 chuyển tiền cho bà D. Đối với nội dung 3 file ghi âm ông T cung cấp, bà L và bà Thân xác Đ đúng là giọng nói của hai bà, từ thời điểm ông T điện thoại đòi hai bà trả số vốn 10.500.000.000 đồng đến nay chưa trả khoản tiền nào cho ông T.

- Ông T và ông T1 người đại diện ủy quyền của ông T có ý kiến: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L, bà T2; yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về khoản tiền 04 tỷ đồng chuyển cho bà D, đây là em của ông T và trước đó đã chuyển cho bà T2 08 tỷ đồng nên đây là giao dịch khác, không liên quan. Ngoài ra nguyên đơn cung cấp 03 file ghi âm thể hiện nội dung ông T điện thoại cho bà T2 và bà L đòi số tiền nợ 10 tỷ 500 triệu đồng (ngày 01/3/2023, 06/4/2023 với bà L và ngày 28/4/2023 với bà T2).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các đương sự hợp lệ; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự đã chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà L, bà T2; Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T2 làm đơn kháng cáo và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định tại Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T2, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Giữa ông Đặng Văn T với bà Phạm Thị Diệu L, bà Phạm Thị Diệu T2 có xác lập 02 hợp đồng vay vốn (biên nhận nhận tiền), cụ thể: Theo hợp đồng ngày 17/7/2022 với số tiền vốn vay 5.400.000.000 đồng và hợp đồng ngày 29/10/2022 với số tiền vốn vay 6.550.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,15%/ngày, mục đích sử dụng vốn vay là đáo hạn ngân hàng.

Đối với khoản vay 5.400.000.000 đồng theo hợp đồng ngày 17/7/2022 đã được xét xử theo Bản án phúc thẩm số: 298/2023/DS-PT ngày 28/12/2023 của TAND tỉnh An Giang.

Nay, ông T khởi kiện yêu cầu bà L, bà T2 liên đới trả số tiền vốn vay 6.550.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 29/10/2022 cho đến ngày xét xử.

Đối với số tiền 6.550.000.000 đồng, bà L với bà T2 thừa nhận có lập và ký tên trên hợp đồng vay vốn, việc vay tiền được hai bên thỏa thuận bằng hình thức chuyển khoản. Tuy nhiên, bà L, bà T2 cho rằng từ khi lập hợp đồng đến nay, thì ông T và những người thân của ông T không chuyển bất kỳ khoản tiền nào cho bà L, bà T2 nên giao dịch giữa hai bên không có thực hiện. Do đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ ông T khởi kiện buộc bà T2 và bà L liên đới trả 6.550.000.000 đồng là biên nhận nhận tiền ngày 29/10/2022 và ông T có cung cấp các bản sao kê Ngân hàng TMCP S1 (viết tắt N1), Ngân hàng TMCP Đ1 (viết tắt B), Ngân hàng TMCP Q (viết tắt MB) thể hiện từ ngày 17/7/2022 đến ngày 24/10/2022 ông T nhờ người thân chuyển tiền cho bà T2 tổng số tiền 20.450.000.000 đồng, cụ thể:

- Ông Đặng Phước T4 (S) chuyển vào tài khoản của bà Phạm Thị Diệu T2 số tiền 2.100.000.000 đồng tại B vào ngày 15/8/2022;

- Bà Tô Thị T3 chuyển vào tài khoản của bà Phạm Thị Diệu T2 số tiền 2.400.000.000 đồng tại SHB ngày 05/9/2022;

- Bà Phạm Thị Diệu H chuyển vào tài khoản của bà Phạm Thị Diệu T2

nhiều lần với số tiền tổng cộng 15.950.000.000 đồng: tại MSB vào ngày 15/8/2022, ngày 16/8/2022, ngày 17/8/2022, ngày 23/8/2022, ngày 30/8/2022, ngày 05/9/2022; tại B vào ngày 18/7/2022, ngày 25/8/2022, ngày 05/9/2022 và tại MB vào ngày 25/8/2022.

Theo bà H trình bày và các chứng cứ thu thập thể hiện, sau đó bà T2 chỉ chuyển trả 13.450.000.000 đồng cho ông T qua tài khoản bà H trong khoảng thời gian 17/7/2022 đến ngày 24/10/2022 – bà H và ông T, bà T2 thừa nhận khoản tiền này. Theo bản án số 298/2023/DS-PT ngày 28/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thì Biên nhận ngày 17/7/2022 là tổng hợp các khoản nợ trước đó đến ngày 17/7/2022 và tất cả khoản đóng lãi sau đó, đều được các bên thống nhất trừ vào phần tiền vốn 5.400.000.000đ của biên nhận ngày 17/7/2022.

Từ đó có cơ sở xác định khoản vay theo biên nhận ngày 29/10/2022 là khoản tiền chốt nợ giữa đôi bên sau khi tổng hợp các khoản nợ sau ngày 17/7/2022 đến ngày 29/10/2022. Bà L, T2 cũng thừa nhận có xác lập hợp đồng vay vốn như ông T trình bày nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ông T khởi kiện ra Tòa là có căn cứ. Việc bà L và bà T2 cho rằng chỉ ký biên nhận nhưng chưa nhận tiền, thì bà L và bà T2 không có chứng cứ chứng minh, và sau khi ký tên, bà L và bà T2 cũng không có động thái nào để yêu cầu ông T chuyển tiền hoặc yêu cầu ông T trả lại biên nhận vay do không nhận được tiền nên không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 3.275.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn bà L, bà T2 có trách nhiệm liên đới trả số tiền 3.275.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, nên cấp sơ thẩm căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền 3.275.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 29/10/2022, và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà L và bà T2 trả ông T số tiền 3.275.000.000 đồng là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà L và bà T2 kháng cáo yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T vì cho rằng không có vay của ông T số tiền 6.550.000.000 đồng. Tại phiên toà phúc thẩm, bà L và bà T2 cho rằng, quá trình vay nợ, các bà có chuyển trả tiền 04 tỷ đồng qua tài khoản của bà Đặng Thị D và cung cấp bản photo (có đóng dấu treo mộc đỏ) sao kê tại ngân hàng, nhưng không được ông T thừa nhận (ông T cho rằng đây là giao dịch khác, vì trước đó bà D – em của ông T, có chuyển khoản cho bà T2 08 tỷ đồng); đồng thời hai bà cũng không chứng minh được số tiền đã chuyển cho bà D có liên quan đến biên nhận nợ ngày 29/10/2022 nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Nếu bà L và bà T2 có tranh chấp đối với số tiền đã chuyển khoản cho bà D, có thể khởi kiện thành vụ án khác.

Ông T có cung cấp 3 file ghi âm thể hiện nội dung: ông T điện thoại cho bà T2 và bà L đòi số tiền nợ 10 tỷ 500 triệu đồng (ngày 01/3/2023, ngày 06/4/2023 với bà L và ngày 28/4/2023 với bà T2). Hội đồng xét xử phúc thẩm đã công khai đoạn ghi âm cuộc nói chuyện ngày 01/3/2023 và ngày 06/4/2023 giữa ông T và

bà L, ngày 28/4/2023 giữa ông T với bà T2: được bà L, bà T2 thừa nhận giọng nói trong các đoạn ghi âm là của hai bà. Nội dung thể hiện việc trao đổi giữa ông T và bà L, bà T2 đối với số nợ gốc 10.500.000.000đ, bà L, bà T2 chỉ hứa hẹn trả nợ, không phản bác đối với số tiền trên.

Từ những phân tích trên, bà T2 và bà L kháng cáo cho rằng không có vay của ông T số tiền 6.550.000.000 đồng là không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Bà L và bà T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Diệu L và bà Phạm Thị Diệu T2.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 150/2024/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh An Giang.

Căn cứ:

- Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 147, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

-Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T yêu cầu bị đơn bà Phạm Thị Diệu L và bà Phạm Thị Diệu T2 trả số tiền 3.275.000.000 (ba tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 29/10/2022.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn T. Buộc bà Phạm Thị Diệu T2, Phạm Thị Diệu L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đặng Văn T số tiền 3.275.000.000 (ba tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Diệu L, Phạm Thị Diệu T2 chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 97.500.000 (chín mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Ông Đặng Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Án phí phúc thẩm:

- Bà Phạm Thị Diệu L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004149 ngày 30/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh An Giang.

- Bà Phạm Thị Diệu T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004148 ngày 30/10/2024 của Chi cục thián dân sự thành phố C, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THA-DS TP. Châu Đốc;
- Phòng Thanh tra, kiểm tra và THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Minh Châu

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**